

Bản án số: 26/HSST
Ngày 10/03/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Long

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Dung

2. Ông Đặng Tương Phục

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện G - thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G- thành phố Hà Nội, tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thoa - kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/HSST ngày 6/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HS ngày 10/02/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Thị N**, sinh năm 1990. Tên gọi khác: Không. ĐKNKTT: thôn P, H, C, Lạng Sơn. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Tày. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Bố: Vũ Đình T, sinh năm 1968. Mẹ: Vi Thị Th, sinh năm 1968. Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Chồng: Lộc Văn V, sinh năm 1983 (đã ly hôn năm 2021). Có 3 con: con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2017. TATS: không.

Ngày 31/10/2022, Cơ quan CSĐT – Công an huyện G áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 16/12/2022, Vũ Thị N bị Công an tỉnh Lạng Sơn bắt về hành vi đánh bạc tại huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. **Anh Mai Văn L**, sinh: 1986, trú tại: Số M ngõ B B1, Kh, Th1, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Bùi Đình B, sinh: 1982, HKTT: L1, C, C1, Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/7/2022, Công an xã Đ – Công an huyện G, Hà Nội nhận được đơn trình báo của Anh Mai Văn L, sinh: 1986, trú tại: Số M ngõ B B1, Kh, Th1, Hà Nội về việc: Do có nhu cầu mua nhà tại khu đô thị V1, G, Hà Nội, Anh L được chị Mai Thị H1, sinh: 1990, HKTT: Tr1, Th2, Hà Nội giới thiệu Vũ Thị N, sinh: 1990, HKTT: thôn P, H, C, Lạng Sơn có căn hộ KA tòa S M1 đang muốn bán. Ngày 02/7/2022, Anh L và chị H1 đến xem nhà và ưng nên thỏa thuận giá bán với chị N là 1.560.000.000 (Một tỷ năm trăm sáu mươi triệu) đồng. Anh L chuyển 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vào tài khoản của chị H1 và chị H1 đã chuyển lại vào tài khoản của N 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng để đặt cọc theo yêu cầu của Ngân. Sau đó, Anh L yêu cầu N cho xem giấy tờ sở hữu căn hộ KA thì N nói giấy tờ nhà đang thế chấp tại Ngân hàng Techcombank tại Lạng Sơn. Tiếp tục yêu cầu Anh L chuyển thêm 115.000.000 (Một trăm mười lăm triệu) đồng để tất toán rút sổ hồng. Ngày 18/7/2022, Anh L phát hiện N không phải chủ căn hộ KA nên đã đến công an trình báo sự việc. (BL 27). Tạm giữ của Vũ Thị N: 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 13 Promax (BL 213).

Theo Vũ Thị N và Anh Mai Văn L khai nhận: Khoảng tháng 10/2021, Vũ Thị N thuê căn hộ số KA tòa S M1 khu đô thị V1, G, Hà Nội của chị Nguyễn Thúy N1, sinh: 1960, trú tại: Số C2, L2, M, H2, Hà Nội để ở. Cuối tháng 6/2022, N sang nước Cộng hòa nhân dân Lào để làm ăn. Do N nợ nần nhiều không về được Việt Nam nên nảy sinh ý định lừa đảo rao bán căn hộ KA tòa S M1, mục đích chiếm đoạt số tiền đặt cọc để trả nợ để trở về Việt Nam. N liên hệ với chị Lê Thị Q, sinh: 1979, trú tại căn hộ KS tòa S M1 khu đô thị V1, G, Hà Nội (là chủ cửa hàng gọi đầu mà N thường gọi khi thuê ở căn hộ KA) để nhờ tìm hộ khách mua căn hộ KA. Ngày 29/6/2022, chị Mai Thị H1, sinh: 1990, trú tại: phòng M2 tòa S M1 khu đô thị V1, G, Hà Nội đến nhà chị Q gọi đầu. Qua nói chuyện, chị Q nói với chị H1 việc Vũ Thị N có nhu cầu bán căn hộ KA. Do biết Anh Mai Văn L có nhu cầu mua nhà tại khu đô thị V1, G, Hà Nội nên chị H1 nói với Anh L việc Vũ Thị N rao bán căn hộ KA. Sáng ngày 02/7/2022, Anh L nhờ chị H1 gọi vào số điện thoại 0978892xxx của Vũ Thị N qua ứng dụng Zalo để hỏi mua căn hộ KA thì N nói N là chủ căn hộ KA đang muốn bán. Chiều ngày 02/7/2022, Anh L và chị H1 muốn xem căn hộ KA thì N nhắn mật khẩu căn hộ là “25111#” cho chị Hà Thị Th3, sinh: 1989, trú tại căn hộ KC tòa S M1 khu đô thị V1, G, Hà Nội mở cửa cho Anh L và H1 vào xem nhà. Sau khi xem nhà, Anh L đồng ý mua căn hộ KA với giá 1.560.000.000 (Một tỷ năm trăm sáu mươi triệu) đồng. Yêu cầu Anh L chuyển khoản

100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tiền đặt cọc. Sau đó Anh L chuyển 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vào tài khoản của chị H1 để nhờ chị H1 chuyển 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng cho Ngân. Chị H1 sử dụng số tài khoản 113611xxx tại Ngân hàngVP Bank chuyển 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vào tài khoản số 5150137898xxx tại Ngân hàngMB Bank mang tên Vũ Thị N. Sau khi nhận tiền đặt cọc, N đã chuyển số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vào số tài khoản 241119823xxx của Anh Bùi Đình B, sinh: 1982, HKTT: L, C, C1, Hải Dương. Đến ngày 03/7/2022, N tiếp tục gọi cho chị H1 qua zalo để yêu cầu Anh L chuyển thêm 115.000.000 (Một trăm mười lăm triệu) đồng để N rút sổ hồng tại Ngân hàng về làm thủ tục hợp đồng mua bán với Anh L. Để tạo sự tin tưởng với Anh L, N cho chị H1 biết mật khẩu mở cửa căn hộ KA để chị H1 và Anh L vào trong căn hộ xem bản phô tô “Hợp đồng đặt cọc mua bán căn hộ chung cư” N để ở ngăn bàn trong phòng khách căn hộ. Sau khi xem bản phô tô “Hợp đồng đặt cọc mua bán căn hộ chung cư” của Vũ Thị N, Anh L phát hiện N không phải chủ căn hộ. Ngày 08/7/2022, khi N trở về Việt Nam thì Anh Mai Văn L đến Công an G trình báo sự việc. Lời khai nhận của bị can phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Đối với chị Mai Thị H1, chị Lê Thị Q và chị Hà Thị Th3 không biết Vũ Thị N là người thuê căn hộ KA nên không biết hành vi lừa đảo của N. Do vậy, Cơ quan CSĐT – Công an huyện G không đặt vấn đề xử lý. Đối với Anh Bùi Đình B là người nhận 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng của Vũ Thị N nhưng anh B không biết đó là số tiền N lừa đảo rao bán căn hộ thuê mà có nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện G không xem xét xử lý. Đối với 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 13 Promax thu giữ của Vũ Thị N dùng liên lạc với Anh Mai Văn L để thực hiện hành vi lừa đảo.

Về trách nhiệm dân sự: Vũ Thị N đã bồi thường cho Anh Mai Văn L số tiền 100.000.000 đồng. Anh L đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì về dân sự. (BL 40-41).

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSGL ngày 30/01/2023 của VKSND huyện G truy tố bị cáo Vũ Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị N thừa nhận: Do N nợ nần nhiều không về được Việt Nam nên nảy sinh ý định lừa đảo rao bán căn hộ KA tòa S M1, mục đích chiếm đoạt số tiền đặt cọc để trả nợ để trở về Việt Nam. N từ nước ngoài liên hệ với chị Lê Thị Q, sinh 1979, trú tại căn hộ KS tòa S M1 khu đô thị V1, G, Hà Nội (là chủ cửa hàng gọi đầu mà N thường gọi khi thuê ở căn hộ KA) nói căn hộ của mình cần bán và nhờ chị Q tìm hộ khách mua căn hộ KA. Chị Q nói với chị Mai Thị H1, là khách gọi đầu của chị Q biết và chị Q đã giới thiệu cho bạn là Mai Văn L có nhu cầu mua nhà tại

khu đô thị V1, G, Hà Nội. Chị H1 và Anh L đã gọi vào số điện thoại 0978892xxx của Vũ Thị N qua ứng dụng Zalo để hỏi mua căn hộ KA thì N nói N là chủ căn hộ KA đang muốn bán. Chiều ngày 02/7/2022, Anh L và chị H1 muốn xem căn hộ KA thì N nhắn mật khẩu căn hộ là “25111#” cho chị Hà Thị Th3, sinh 1989, trú tại căn hộ KC tòa S M1 khu đô thị V1, G, Hà Nội mở cửa cho Anh L và H1 vào xem nhà. Sau khi xem nhà, Anh L đồng ý mua căn hộ KA với giá 1.560.000.000 (Một tỷ năm trăm sáu mươi triệu) đồng. Yêu cầu Anh L chuyển khoản 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tiền đặt cọc. Sau đó Anh L chuyển 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vào tài khoản của chị H1 để nhờ chị H1 chuyển 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng cho N. Chị H1 sử dụng số tài khoản 113611xxx tại Ngân hàng VP Bank chuyển 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vào tài khoản số 5150137898xxx tại Ngân hàng MB Bank mang tên Vũ Thị N. Sau đó N dùng số tiền này chuyển trả nợ cho Anh Bùi Đình B. Sự việc bị phát hiện, Anh L có đơn tố cáo, bị cáo đã khắc phục trả Anh L số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa xác nhận dân sự đã được bồi thường không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, luận tội nêu rõ: Giá trị tài sản bị cáo lừa đảo chiếm đoạt là 100.000.000 đồng, đủ cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, nhân thân trước khi phạm tội chưa có tiền án tiền sự, là người dân tộc thiểu số. Do đó: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s, b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt Vũ Thị N từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Dân sự: Không. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Iphone 13 pro max màu xám đã qua sử dụng, tịch thu của bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện G; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Hà Nội, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, cũng như hành vi của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân,

Thư ký tòa án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa làm rõ: Do cần tiền trả nợ nên ngày 02/7/2022, tại Đ, G, Hà Nội bị cáo Vũ Thị N có hành vi giả danh là chủ sở hữu căn hộ KA tòa S M1 khu đô thị V1, G, Hà Nội cần chuyển nhượng. Anh Mai Văn L tin tưởng đã giao dịch mua bán căn hộ với N giá 1.560.000.000 (Một tỷ năm trăm sáu mươi triệu) đồng. N yêu cầu Anh L chuyển khoản 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tiền đặt cọc. N dùng 100.000.000 đồng để trả nợ cá nhân. Ngày 3/7/2022, N tiếp tục yêu cầu Anh L chuyển 115.000.000 đồng, Anh L kiểm tra phát hiện N không là chủ căn hộ. Ngày 8/7/2022, Anh L trình báo. Sau đó giao dịch chuyển nhượng không thực hiện vì N không phải là chủ căn hộ. Như vậy, N đã chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng đặt cọc của Anh L.

[3]. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 100.000.000 đồng, đủ cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, vì vậy Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo vì mục đích tư lợi cá nhân thực hiện tội phạm. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án trong khung hình phạt, cách ly bị cáo ngoài xã hội một thời gian mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Song khi lượng hình cũng xem xét cho bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối hối cải, hậu quả xảy ra bị cáo đã khắc phục hậu quả, nhân thân bị cáo trước khi phạm tội chưa có tiền án tiền sự, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số để xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt đối với bị cáo. Về hình phạt bổ sung: Không.

[5]. Vật chứng: Thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động Iphone 13 pro max, bị cáo thừa nhận dùng điện thoại để liên lạc với Anh L để giao dịch mua bán căn hộ do vậy là phương tiện dùng phạm tội vì vậy cần tịch thu sung công.

[6]. Đối với Anh Bùi Đình B nhận số tiền 100.000.000 đồng do N trả nợ nhưng anh B không biết N thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Vũ Thị N** phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s, b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Các Điều 106; Điều 331; Điều 333; Điều 336 BLTTHS 2015.

Xử phạt: **Vũ Thị N 36 (ba mươi sáu) tháng** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không phạt bổ sung đối với bị cáo. Dân sự: Không.

Vật chứng: Tịch thu sung công 01 điện thoại di động Iphone 13 pro max màu xám đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy. Hiện vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 6/02/2023.

2- Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- UBND phường, xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKS nhân dân TP Hà Nội;
- Sơ Tư pháp TPHN ;
- Công an huyện G;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Long